

Câu 1: Số phức liên hợp với số phức $7 - 8i$ là

- A. $8 + 7i$. B. $-7 + 8i$. C. $7 + 8i$. D. $8 - 7i$.

Câu 2: Cho $F(x)$ là một nguyên hàm của hàm số $f(x)$ trên K . Chọn khẳng định **đúng**?

- A. $F'(x) = f(x), \forall x \in K$. B. $F(x) = f(x), \forall x \in K$.
C. $f'(x) = F(x), \forall x \in K$. D. $F'(x) = f(x) + C, \forall x \in K$ với C là hằng số.

Câu 3: Biết rằng $f(x)$ là hàm liên tục trên $\mathbb{R}$ và $\int_3^5 f(x)dx = 6$, tính $I = \int_1^2 f(2x+1)dx$.

- A. $I = 6$. B. $I = 12$. C. $I = 2$. D. $I = 3$.

Câu 4: Trong không gian Oxyz, cho hai điểm $A(-4; 2; -7); B(2; 2; -3)$. Tọa độ trung điểm I của đoạn thẳng AB là:

- A. $I(-4; 10; -12)$ B. $I(-1; 2; -5)$ C. $I(-4; 0; -1)$ D. $I(-1; 0; -1)$

Câu 5: Khối tròn xoay tạo nên khi ta quay quanh trục Ox hình phẳng D giới hạn bởi đồ thị $P: y = 2x - x^2$ và trục Ox có thể tích là

- A. $V = \frac{16\pi}{15}$. B. $V = \frac{12\pi}{15}$. C. $V = \frac{11\pi}{15}$. D. $V = \frac{4\pi}{15}$.

Câu 6: Trong không gian Oxyz cho đường thẳng Δ song song với đường thẳng $d: \begin{cases} x = 2 - t \\ y = 1 \\ z = -1 + 3t \end{cases} t \in \mathbb{R}$. Một véc tơ chỉ phương của Δ là:

- A. $\vec{a}(2; 0; -6)$. B. $\vec{b}(-1; 1; 3)$. C. $\vec{v}(2; 1; -1)$. D. $\vec{u}(1; 0; 3)$.

Câu 7: Cho hàm số $y = f(x)$ liên tục trên đoạn $[a; b]$. Công thức tính diện tích hình phẳng được giới hạn bởi đồ thị hàm số $y = f(x)$, trục Ox và các đường thẳng $x = a, x = b$ ($a < b$).

- A. $\int_a^b f(x)dx$. B. $\int_a^b |f(x)|dx$. C. $\pi \int_a^b f(x)dx$. D. $\int_a^b f^2(x)dx$.

Câu 8: Biết $\int_2^3 f(x)dx = 3$. Giá trị của $\int_2^3 7f(x)dx$ bằng

- A. 5. B. 14. C. 21. D. 10.

Câu 9: Cho số phức $z = -4 + 3i$. Mô đun của z bằng

- A. 5. B. $\sqrt{7}$. C. $\sqrt{5}$. D. 1.

Câu 10: Kí hiệu z_1, z_2 là hai nghiệm phức của phương trình $z^2 - 2z + 10 = 0$. Tính $z_1.z_2$.

- A. $z_1.z_2 = -8$. B. $z_1.z_2 = 2$. C. $z_1.z_2 = 2\sqrt{10}$. D. $z_1.z_2 = 10$.

Câu 11: Phương trình $z^2 + bz + c = 0$ có một nghiệm phức là $z = 1 - 2i$. Tích của hai số b và c bằng

- A. -10. B. 5. C. -2 và 5. D. 3.

Câu 12: Tính mô đun của số phức z thỏa mãn $(3 + 2i)(1 - i)z + 3 + i = 32 - 10i$.

- A. $|z| = \sqrt{35}$. B. $|z| = \sqrt{31}$. C. $|z| = \sqrt{37}$. D. $|z| = \sqrt{34}$.

Câu 13: Họ nguyên hàm của hàm số $f(x) = x^5 - x^3$ là:

A. $x^5 - x^3 + C$. B. $\frac{1}{5}x^5 - \frac{1}{3}x^3 + C$. C. $\frac{1}{6}x^6 - \frac{1}{4}x^4 + C$. D. $\frac{1}{6}x^6 - \frac{1}{3}x^3 + C$.

Câu 14: Trong không gian Oxyz, đường thẳng d đi qua điểm $E(-1;0;2)$ và có vectơ chỉ phương $\vec{a} = (3;1;-7)$. Phương trình của đường thẳng d là

A. $\frac{x-1}{3} = \frac{y}{1} = \frac{z+2}{-7}$. B. $\frac{x+1}{1} = \frac{y}{1} = \frac{z-2}{3}$. C. $\frac{x-1}{1} = \frac{y}{1} = \frac{z-2}{-3}$. D. $\frac{x+1}{3} = \frac{y}{1} = \frac{z-2}{-7}$.

Câu 15: Chọn khẳng định sai?

A. $\int e^x dx = \frac{1}{e^x} + C$ B. $\int \sin x dx = -\cos x + C$ C. $\int e^x dx = e^x + C$ D. $\int e^{-x} dx = -e^{-x} + C$

Câu 16: Xét $\int \frac{e^x}{\sqrt{e^x+2}} dx$, nếu đặt $t = \sqrt{e^x+2}$ thì $\int \frac{e^x}{\sqrt{e^x+2}} dx$ bằng

A. $\int \frac{1}{2} dt$. B. $\int t^2 dt$. C. $\int 2t dt$. D. $\int 2 dt$.

Câu 17: Số thuần ảo là

A. $z = 1 - i$. B. $z = |i|$. C. $z = 1$. D. $z = i\sqrt{2}$.

Câu 18: Biết $\int_2^3 \frac{\ln x}{x^2} dx = a + b \ln 2 + c \ln 3$ với a, b, c là các số hữu tỷ. Tính $S = 2a + 4b + c$.

A. $S = \frac{1}{3}$. B. $S = 2$. C. $S = 1$. D. $S = -\frac{1}{2}$.

Câu 19: Cho $F(x)$ là một nguyên hàm của hàm số $f(x)$ trên đoạn $[a;b]$. Mệnh đề nào dưới đây đúng?

A. $\int_a^b f(x) dx = F(a) - F(b)$. B. $\int_a^b f(x) dx = F(b) - F(a)$. C. $\int_a^b f(x) dx = -F(b) - F(a)$. D. $\int_a^b f(x) dx = F(b) + F(a)$.

Câu 20: Số phức $z = 5 - i$ có điểm biểu diễn là điểm có tọa độ nào dưới đây?

A. $(-1;5)$. B. $(5;1)$. C. $(5;-1)$. D. $(1;5)$.

Câu 21: Trong không gian Oxyz, cho mặt cầu $(S): (x-5)^2 + (y+1)^2 + z^2 = 81$. Tìm tọa độ tâm I và tính bán kính R của mặt cầu (S)

A. $I(-5;1;0), R=9$ B. $I(-5;-1;0), R=81$ C. $I(5;-1;0), R=9$ D. $I(5;1;0), R=81$

Câu 22: Cho hai số phức $z_1 = m + ni, z_2 = p + qi$. Tổng của $z_1 + z_2$ là số phức:

A. $z = (m-p) + (n-q)i$. B. $z = (m+p) + (n+q)i$. C. $z = (m+p) + (n+q)$. D. $z = (m+q) + (n+p)i$.

Câu 23: Cho số phức z thỏa mãn $|z+2-2i|=1$. Giá trị lớn nhất và nhỏ nhất của $|z|$ lần lượt là

A. 2,1 B. $\sqrt{2}+1; \sqrt{2}-1$ C. $\sqrt{3}+1; \sqrt{3}-1$ D. $2\sqrt{2}+1; 2\sqrt{2}-1$

Câu 24: $\int \frac{1}{x} dx$ bằng: A. $\ln x + C$. B. $\frac{1}{x^2} + C$. C. $-\frac{1}{x^2} + C$. D. $\ln|x| + C$.

Câu 25: Cho số phức $z = a + bi$ ($a, b \in \mathbb{R}$). Phần ảo của số phức $w = 2z - 3\bar{z}$ là

A. $-a$. B. $5b$. C. $-b$. D. b .

Câu 26: Biết $\int_1^2 f(x) dx = 2$ và $\int_1^2 g(x) dx = 6$, khi đó $\int_1^2 [f(x) - g(x)] dx$ bằng

A. 8 B. -4 C. 4 D. -8.

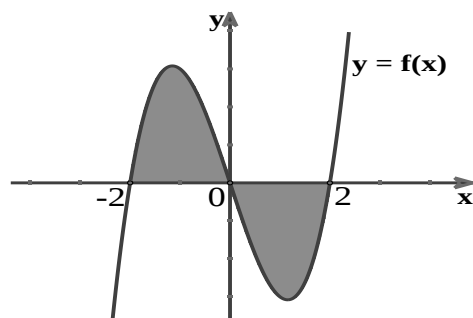
Câu 27: Tính $I = \int (2x+1)e^x dx$

A. $2xe^x + e^x + C$. B. $2xe^x - 1 + C$. C. $2xe^x - e^x + C$. D. $xe^x + e^x + C$.

Câu 28: Gọi z_1, z_2 là hai nghiệm của phương trình $z^2 - 2z + 5 = 0$ và A, B là các điểm biểu diễn của z_1, z_2 . Tọa độ trung điểm I của đoạn thẳng AB là:

- A. $I(1;1)$. B. $I(-1;0)$. C. $I(0;1)$. D. $I(1;0)$.

Câu 29: Diện tích hình phẳng phần tô đậm trong hình vẽ bằng:



- A. $\int_{-2}^2 f(x) dx$ B. $\int_0^{-2} f(x) dx + \int_0^2 f(x) dx$ C. $\int_{-2}^0 f(x) dx + \int_2^0 f(x) dx$ D. $\int_{-2}^1 f(x) dx + \int_1^2 f(x) dx$

Câu 30: Các mệnh đề sau, mệnh đề nào đúng.

- A. $\int f(x).g(x)dx = \int f(x)dx. \int g(x)dx$. B. $\int [f(x) + g(x)]dx = \int f(x)dx + \int g(x)dx$.
C. $\int [f(x) - g(x)]dx = \int f(x)dx + \int g(x)dx$. D. $\int kf(x)dx = k \int f(x)dx$ với k là hằng số.

Câu 31: Cho số phức z thỏa mãn điều kiện $2z + 3(1 - i)\bar{z} = 1 - 9i$. Tìm môđun của z .

- A. $|z| = \sqrt{3}$ B. $|z| = 3$ C. $|z| = 13$ D. $|z| = \sqrt{13}$

Câu 32: Cho $\int_1^3 \frac{dx}{(x+1)(x+4)} = a \ln 2 + b \ln 5 + c \ln 7$ ($a, b, c \in \mathbb{Q}$). Tính giá trị của biểu thức $S = a + 4b - c$

- A. $S = \frac{1}{3}$. B. $S = 6$. C. $S = 2$. D. $S = \frac{4}{3}$.

Câu 33: Có bao nhiêu số phức thỏa điều kiện $|z| = 2|1 - i|$ và z^2 là số thuần ảo?

- A. 3. B. 1. C. 4. D. 2.

Câu 34: Trong Oxyz, cho mặt cầu $(S): x^2 + y^2 + z^2 + 6x - 2y - 10z + 5 = 0$. Tọa độ tâm I của (S) là

- A. $I(-3;1;5)$ B. $I(6;-2;-10)$ C. $I(3;1;-5)$ D. $I(-6;2;10)$

Câu 35: Họ nguyên hàm của hàm số $f(x) = e^x + \cos x$ là

- A. $\frac{1}{x+1}e^{x+1} + \sin x + C$. B. $e^x - \sin x + C$. C. $xe^{x-1} - \sin x + C$. D. $e^x + \sin x + C$.

Câu 36: Trong không gian Oxyz, cho tam giác ABC với $A(2;-2;-3)$, $B(-4;3;1)$, $C(2;-4;-1)$. Trọng tâm của tam giác ABC có tọa độ là

- A. $(0;-1;-1)$ B. $(1;-1;-1)$ C. $(1;0;-1)$ D. $(-2;-2;-2)$

Câu 37: Trong không gian tọa độ Oxyz, gọi d là giao tuyến của hai mặt phẳng $(\alpha): x - 3y + z = 0$ và $(\beta): x + y - z + 4 = 0$. Phương trình tham số của đường thẳng d là

- A. $\begin{cases} x = 2 - t \\ y = t \\ z = -2 - 2t \end{cases}$. B. $\begin{cases} x = 2 + t \\ y = t \\ z = 2 + 2t \end{cases}$. C. $\begin{cases} x = -2 + t \\ y = t \\ z = 2 + 2t \end{cases}$. D. $\begin{cases} x = 2 + t \\ y = t \\ z = -2 + 2t \end{cases}$.

Câu 38: Trong không gian Oxyz, cho hai điểm $A(3;-4;3)$ và $B(-1;2;5)$. Tính độ dài của đoạn thẳng AB

- A. $2\sqrt{3}$ B. $2\sqrt{14}$ C. $6\sqrt{2}$ D. $2\sqrt{6}$

Câu 39: Trong không gian $Oxyz$, khoảng cách từ gốc tọa độ O đến mặt phẳng $(P): x + y + 2z - 3 = 0$ bằng

- A. 3 B. $\frac{\sqrt{6}}{2}$ C. $\frac{1}{2}$ D. $\frac{3}{2}$

Câu 40: Trong không gian $Oxyz$, cho mặt phẳng $(P): -2x + z + 2022 = 0$. Một véc-tơ pháp tuyến của (P) là

- A. $\vec{u} = (1; 0; -2)$. B. $\vec{w} = (-2; 1; 0)$. C. $\vec{v} = (-2; 1; 3)$. D. $\vec{n} = (2; 0; -1)$.

Câu 41: Chọn khẳng định sai?

- A. $\int \sin x dx = -\cos x + C$ B. $\int e^{-x} dx = -e^{-x} + C$ C. $\int e^x dx = e^x + C$ D. $\int e^x dx = \frac{1}{e^x} + C$

Câu 42: Trong không gian $Oxyz$, mặt phẳng (P) đi qua điểm $A(1; 3; -1)$ và vuông góc với đường thẳng

$$d: \frac{x+1}{2} = \frac{y}{1} = \frac{z-1}{-1} \text{ có phương trình là}$$

- A. $2x + y - z + 6 = 0$ B. $2x + y - z - 6 = 0$ C. $x + 3y - z - 6 = 0$ D. $x + 3y - z + 6 = 0$

Câu 43: Cho hai số phức $z_1 = 5 - 2i$, $z_2 = 3 + i$. Phần thực của số phức $\frac{z_1}{z_2}$ là:

- A. $\frac{13}{10}$. B. $\frac{13}{29}$. C. $-\frac{11}{29}$. D. $-\frac{11}{10}$.

Câu 44: Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$ cho hai mặt phẳng $(P): x + 2y + z + 1 = 0$ và $(Q): 2x - y + 2z + 4 = 0$.

Gọi M là điểm thuộc mặt phẳng (P) sao cho điểm đối xứng của M qua mặt phẳng (Q) nằm trên trục hoành. Tung độ của điểm M bằng:

- A. 3 B. -5 C. 4 D. 2

Câu 45: Trong không gian $Oxyz$, cho $E(-1; 0; 2)$ và $F(2; 1; -5)$. Phương trình đường thẳng EF là

- A. $\frac{x-1}{3} = \frac{y}{1} = \frac{z+2}{-7}$. B. $\frac{x+1}{3} = \frac{y}{1} = \frac{z-2}{-7}$. C. $\frac{x-1}{1} = \frac{y}{1} = \frac{z+2}{-3}$. D. $\frac{x+1}{1} = \frac{y}{1} = \frac{z-2}{3}$.

Câu 46: Trong không gian $Oxyz$, cho hai điểm $A(2; -1; 2)$, $B(0; 1; 0)$. Phương trình mặt cầu đường kính AB là

- A. $(x-1)^2 + y^2 + (z-1)^2 = 3$. B. $(x+2)^2 + (y-2)^2 + (z+2)^2 = 2$.
C. $(x-1)^2 + y^2 + (z-1)^2 = \sqrt{3}$. D. $(x-1)^2 + y^2 + (z-1)^2 = 12$.

Câu 47: Trong không gian $Oxyz$ cho ba điểm $A(3; 2; 3)$, $B(2; 1; 2)$, $C(4; 1; 6)$. Phương trình mặt phẳng ABC là

- A. $2x - y - z - 1 = 0$. B. $x + y - z - 2 = 0$. C. $x - y + 2z - 7 = 0$. D. $x - y - z + 2 = 0$.

Câu 48: Cho $(P): y = x^2 + 2$ và hai tiếp tuyến của (P) tại các điểm có hoành độ lần lượt là -1 và 2 . Diện tích hình phẳng giới hạn bởi (P) và hai tiếp tuyến bằng

- A. $\frac{9}{4}$. B. $\frac{7}{4}$. C. $\frac{21}{4}$. D. $\frac{13}{4}$.

Câu 49: Cho hàm số $y = f(x)$ liên tục trên đoạn $[a; b]$. Gọi D là hình phẳng giới hạn bởi đồ thị của hàm số $y = f(x)$, trục hoành và hai đường thẳng $x = a$, $x = b$ ($a < b$). Thể tích của khối tròn xoay tạo thành khi quay D quanh trục hoành được tính theo công thức

- A. $V = \pi^2 \int_a^b f(x) dx$. B. $V = \pi \int_a^b f^2(x) dx$. C. $V = \int_a^b f^2(x) dx$. D. $V = 2\pi \int_a^b f^2(x) dx$.

Câu 50: Cho các số phức z thỏa mãn $|z| = 4$. Biết rằng tập hợp các điểm biểu diễn các số phức $w = (3 + 4i)z + i$ là một đường tròn. Tính bán kính r đường tròn đó.

- A. $r = 4$ B. $r = 5$ C. $r = 20$ D. $r = 22$

----- HẾT -----